

Bản án số: 351/2025/DS-PT

Ngày 28 – 8 – 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Bích N, sinh năm 1989

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Đoàn Bích N trình bày: Chị Nguyễn Kim D có vay của chị N nhiều lần tiền theo hình thức chuyển khoản, lãi suất thỏa thuận, không quy định thời hạn trả, khi nào cần thì thông báo cho chị D trước 15 ngày, tổng số tiền vay như sau:

Ngày 18/3/2022, vay 500.000.000 đồng (chuyển khoản).

Ngày 19/4/2022, vay 50.000.000 đồng (chuyển khoản).

Ngày 27/7/2022, vay 500.000.000 đồng (chuyển khoản).

Đến tháng 12/2022, do cần vốn để giải quyết công việc nên chị N có gặp chị D yêu cầu trả số nợ vay, do chưa có khả năng trả nợ nên ngày 18/12/2022 chị D có viết tờ cam kết nợ chị N số tiền 1.050.000.000 đồng và cam kết đến ngày 30/12/2022 chị D sẽ trả cho chị N một phần nợ gốc và lãi, trong tháng 01/2023 sẽ trả hết toàn bộ gốc và lãi. Ngày 14/3/2024, chị D tiếp tục viết giấy hẹn đến ngày 22/3/2024 sẽ trả đủ số nợ 1.050.000.000 đồng, nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Chị N xác định chị D là người trực tiếp vay, việc chị D có vay dùm cho ai hay không thì tự chị D tính toán với người đó, nên chị N yêu cầu chị D có trách nhiệm trả nợ cho chị N cùng mức lãi suất 1,66%/tháng trên khoản tiền vốn kể từ thời điểm vay đến khi xét xử sơ thẩm và lãi sau ngày xét xử đến khi thanh toán xong nợ, chị N chấp nhận trừ các khoản tiền chị N đã nhận của chị D theo quy định.

Bị đơn chị Nguyễn Kim D trình bày: Chị D có trực tiếp vay nợ của chị N nhiều lần ở nhiều thời điểm khác nhau, lãi suất thỏa thuận, không quy định thời hạn trả. Chị D xác định tờ cam kết ngày 18/12/2022 và giấy hẹn ngày 14/3/2024 là do chị D viết và ký tên. Nay chị D chấp nhận trả cho chị N khoản vốn và lãi sau khi trừ các khoản gốc và lãi chị D đã trả cho chị N như sau:

Ngày 18/3/2022, vay 500.000.000 đồng.

Ngày 19/4/2022, vay 50.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2022, vay 500.000.000 đồng.

Ngày 13/6/2022, vay 500.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2022, vay 500.000.000 đồng.

Ngày 27/7/2022, vay 500.000.000 đồng.

Ngày 28/9/2022, vay 20.000.000 đồng.

Ngày 14/10/2022, vay 20.000.000 đồng.

Tổng khoản vốn vay là 2.590.000.000 đồng.

Thời gian vay, chị D có trả cho chị N các khoản gồm:

Ngày 25/3/2022, trả 5.250.000 đồng.

Ngày 01/4/2022, trả 5.250.000 đồng.

Ngày 08/4/2022, trả 5.250.000 đồng.

Ngày 15/4/2022, trả 5.250.000 đồng.
Ngày 22/4/2022, trả 5.475.000 đồng.
Ngày 29/4/2022, trả 5.775.000 đồng.
Ngày 06/5/2022, trả 5.775.000 đồng.
Ngày 13/5/2022, trả 5.775.000 đồng.
Ngày 20/5/2022, trả 5.775.000 đồng.
Ngày 27/5/2022, trả 6.500.000 đồng.
Ngày 03/6/2022, trả 5.775.000 đồng.
Ngày 08/6/2022, trả 500.000.000 đồng.
Ngày 08/6/2022, trả 12.442.000 đồng.
Ngày 17/6/2022, trả 500.000.000 đồng.
Ngày 17/6/2022, trả 9.945.000 đồng.
Ngày 24/6/2022, trả 5.775.000 đồng.
Ngày 01/7/2022, trả 5.775.000 đồng.
Ngày 08/7/2022, trả 16.275.000 đồng.
Ngày 15/7/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 22/7/2022, trả 500.000.000 đồng.
Ngày 22/7/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 29/7/2022, trả 9.525.000 đồng.
Ngày 05/8/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 11/8/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 26/8/2022, trả 29.050.000 đồng.
Ngày 05/9/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 09/9/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 16/9/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 24/9/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 30/9/2022, trả 20.000.000 đồng.
Ngày 30/9/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 07/10/2022, trả 14.525.000 đồng.
Ngày 17/10/2022, trả 20.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2022, trả 10.000.000 đồng.

Ngày 28/10/2022, trả 10.000.000 đồng.

Ngày 12/11/2022, trả 6.000.000 đồng.

Ngày 23/11/2022, trả 7.000.000 đồng.

Ngày 04/12/2022, trả 8.000.000 đồng.

Ngày 21/01/2023, trả 5.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2023, trả 10.000.000 đồng.

Ngày 31/8/2023, trả 4.000.000 đồng.

Ngày 09/9/2023, trả 5.000.000 đồng.

Ngày 02/10/2023, trả 2.000.000 đồng.

Ngày 15/10/2023, trả 1.000.000 đồng.

Ngày 21/10/2023, trả 2.500.000 đồng.

Ngày 27/10/2023, trả 3.000.000 đồng.

Ngày 31/10/2023, trả 3.000.000 đồng.

Ngày 11/11/2023, trả 2.000.000 đồng.

Ngày 21/11/2023, trả 1.000.000 đồng.

Ngày 26/11/2023, trả 1.600.000 đồng.

Ngày 01/3/2024, trả 3.000.000 đồng.

Ngày 15/5/2024, trả 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị D đã trả cho chị N là 1.929.987.000 đồng (vốn và lãi). Chị D thừa nhận trực tiếp vay tiền của chị N và chấp nhận trả cho chị N số tiền vốn vay cùng lãi suất 10%/năm, yêu cầu đối trừ các khoản tiền chị N đã nhận theo quy định, trường hợp nếu chị N đồng ý thì chị D sẽ trả cho chị N 1.050.000.000 đồng nhưng không tính lãi. Về phần tiền chị D đưa cho ông Trần Minh T và bà Nguyễn Châu L thì chị D với ông T và bà L tự tính toán với nhau, nếu ông T và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị D thì chị D sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Bích N về việc kiện đòi chị Nguyễn Kim D trả nợ vay và lãi suất.

Buộc chị Nguyễn Kim D trả cho chị Đoàn Bích N số tiền 1.184.132.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, chị Nguyễn Kim D có đơn kháng cáo yêu cầu xem lại số tiền vay và trả; yêu cầu tính lãi suất bằng 0,83%/tháng; đưa ông T và bà L tham gia tố tụng để buộc ông T, bà L có nghĩa vụ liên đới cùng với chị D trả nợ cho chị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Chị D: Khi vay không có thỏa thuận lãi suất cụ thể, nên chị N yêu cầu tính lãi suất 1,66% là không phù hợp, yêu cầu điều chỉnh tính lãi suất bằng 0,83% và yêu cầu đưa ông T, bà L tham gia tố tụng.

Chị N: Không đồng ý với yêu cầu của chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của chị D với lý do có nhầm lẫn số liệu về khoản tiền chị D đã trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Kim D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với yêu cầu của chị D về việc áp dụng lãi suất 0,83%: Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng việc vay nợ giữa chị N với chị D có thỏa thuận về lãi thể hiện qua quá trình vay và trả lãi nhiều lần giữa chị D và chị N với số tiền 5.250.000 đồng/07 ngày/số tiền vốn 500.000.000 đồng (cụ thể trong thời gian từ ngày 18/3/2022 đến ngày 25/3/2022, từ ngày 26/3/2022 đến ngày 01/4/2022 ...), việc thỏa thuận về lãi suất này là vượt quá 20%/năm. Vì lẽ đó án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự điều chỉnh lại phần lãi suất (1,66%/tháng) để buộc chị D thanh toán cho chị N là phù hợp quy định của pháp luật. Nên kháng cáo của chị D yêu cầu điều chỉnh lãi suất bằng 0,83%/tháng là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu của chị D xem xét lại số tiền vay và trả: Xét thấy trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm chị D thừa nhận các khoản nợ vay đúng như chị N đã chuyển khoản, việc chị D thừa nhận khoản nợ chị N có yêu cầu khởi kiện trong vụ án còn có các khoản nợ khác mà hai bên đã thanh toán và có liên quan đến khoản tiền chị N đã nhận từ chị D, nhưng cả chị N và chị

D không xác định được nhận, trả vốn, trả lãi của khoản vốn, lãi của lần vay ngày tháng năm nào nên cấp sơ thẩm đã xác định tính lãi suất để đối trừ các khoản tiền mà chị N đã nhận là phù hợp, nhưng xét thấy trong quá trình tính toán có nhầm lẫn về thời gian, về số tiền đã thanh toán lãi nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại và được tính cụ thể như sau:

1. Ngày 18/3/2022, chị D vay 500.000.000 đồng, đến ngày 25/3/2022 trả 5.250.000 đồng, thời hạn lãi được tính từ ngày vay 18/3/2022 đến ngày 25/3/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 500.000.000 đồng: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 1.936.666 \text{ đồng}$, trong khi đó chị D đã trả 5.250.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.313.334 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 496.686.666 đồng ($500.000.000 \text{ đồng} - 3.313.334 \text{ đồng}$).

2. Ngày 01/4/2022 chị D trả 5.250.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 26/3/2022 đến ngày 01/4/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 496.686.666 đồng: $496.686.666 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 1.923.833 \text{ đồng}$, chị D đã trả 5.250.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.326.167 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 493.360.499 đồng ($496.686.666 \text{ đồng} - 3.326.167 \text{ đồng}$).

3. Ngày 08/4/2022 chị D trả 5.250.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 02/4/2022 đến ngày 08/4/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 493.360.499 đồng: $493.360.499 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 1.910.949 \text{ đồng}$, chị D đã trả 5.250.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.339.051 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 490.021.448 đồng ($493.360.499 \text{ đồng} - 3.339.051 \text{ đồng}$).

4. Ngày 15/4/2022 chị D trả 5.250.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 09/4/2022 đến ngày 15/4/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 490.021.448 đồng: $490.021.448 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 1.898.016 \text{ đồng}$, chị D đã trả 5.250.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.351.984 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 486.669.464 đồng ($490.021.448 \text{ đồng} - 3.351.984 \text{ đồng}$).

5. Từ ngày 16/4/2022 đến ngày 18/4/2022, lãi tính 03 ngày trên số vốn vay còn lại: $486.669.464 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ ngày} = 807.871 \text{ đồng}$.

6. Ngày 19/4/2022 chị D vay thêm 50.000.000 đồng, vốn vay lúc này là 536.669.464 đồng ($486.669.464 \text{ đồng} + 50.000.000 \text{ đồng}$), ngày 22/4/2022 chị D trả 5.475.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày 22/4/2022 là 04 ngày trên khoản tiền vốn 536.669.464 đồng: $536.669.464 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 1.187.828 \text{ đồng}$, chị D trả 5.475.000 đồng, đối trừ lãi theo mục 5 (từ ngày 16/4/2022 đến ngày 18/4/2022 = 807.871 đồng) và lãi theo mục 6 (từ ngày 19/4/2022 đến ngày 22/4/2022 = 1.187.828 đồng) còn thừa 3.479.301 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 533.190.163 đồng ($536.669.464 \text{ đồng} - 3.479.301 \text{ đồng}$).

7. Ngày 29/4/2022 chị D trả 5.775.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 23/4/2022 đến ngày 29/4/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 533.190.163 đồng: $533.190.163 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 2.065.223 \text{ đồng}$, chị D trả 5.775.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.709.777 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 529.480.386 đồng ($533.190.136 \text{ đồng} - 3.709.777 \text{ đồng}$).

8. Ngày 06/5/2022 chị D trả 5.775.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày 06/5/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 529.480.386 đồng: $529.480.386 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 2.052.854 \text{ đồng}$, chị D trả 5.775.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.722.146 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 525.758.240 đồng ($529.480.386 \text{ đồng} - 3.722.146 \text{ đồng}$).

9. Ngày 13/5/2022 chị D trả 5.775.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 07/5/2022 đến ngày 13/5/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 525.758.240 đồng: $525.758.240 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 2.036.436 \text{ đồng}$, chị D đã trả 5.775.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.738.564 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 522.019.676 đồng ($525.758.240 \text{ đồng} - 3.738.564 \text{ đồng}$).

10. Ngày 20/5/2022 chị D trả 5.775.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 20/5/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 522.019.676 đồng: $522.019.676 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 2.021.956 \text{ đồng}$, chị D đã trả 5.775.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 3.753.044 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 518.266.632 đồng ($522.019.676 \text{ đồng} - 3.753.044 \text{ đồng}$).

11. Ngày 27/5/2022 chị D trả 6.500.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 21/5/2022 đến ngày 27/5/2022 là 07 ngày trên khoản tiền vốn 518.266.632 đồng: $518.266.632 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 2.007.419 \text{ đồng}$, chị D đã trả 6.500.000 đồng, đối trừ lãi còn thừa 4.492.581 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 513.774.051 đồng ($518.266.632 \text{ đồng} - 4.492.581 \text{ đồng}$).

12. Từ ngày 28/5/2022 đến ngày 31/5/2022, lãi tính 03 ngày trên số vốn vay còn lại: $513.774.051 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ ngày} = 852.864 \text{ đồng}$.

13. Ngày 01/6/2022 chị D vay thêm 500.000.000 đồng, vốn vay lúc này là 1.013.774.051 đồng ($513.774.051 \text{ đồng} + 500.000.000 \text{ đồng}$), đến ngày 03/6/2022 chị D trả 5.775.000 đồng, lãi tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 03/6/2022 là 03 ngày trên khoản tiền vốn 1.013.774.051 đồng: $1.013.774.051 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ ngày} = 1.682.864 \text{ đồng}$, chị D đã trả 5.775.000 đồng, đối trừ lãi theo mục 12 (từ ngày 28/5/2022 đến ngày 31/5/2022 = 852.864 đồng) và lãi theo mục 13 (từ ngày 01/6/2022 đến ngày 03/6/2022 = 1.682.864 đồng) còn thừa 3.239.272 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 1.010.534.779 đồng ($1.013.774.051 \text{ đồng} - 3.239.272 \text{ đồng}$).

14. Ngày 08/6/2022 chị D trả 512.442.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày

04/6/2022 đến ngày 08/6/2022 là 05 ngày đối với khoản tiền vốn còn lại 1.010.534.779 đồng: $1.010.534.779 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 05 \text{ ngày} = 2.795.812 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 509.646.188 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 500.888.591 đồng ($1.010.534.779 \text{ đồng} - 509.646.188 \text{ đồng}$).

15. Từ ngày 09/6/2022 đến ngày 12/6/2022, lãi tính 04 ngày trên số vốn vay còn lại 500.888.591 đồng: $500.888.591 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 1.108.633 \text{ đồng}$.

16. Ngày 13/6/2022, chị D vay thêm 500.000.000 đồng, vốn vay lúc này là 1.000.888.591 đồng ($500.888.591 \text{ đồng} + 500.000.000 \text{ đồng}$), đến ngày 17/6/2022 chị D trả 509.945.000 đồng, lãi tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 17/6/2022 là 05 ngày trên khoản tiền vốn 1.000.888.591 đồng: $1.000.888.591 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 05 \text{ ngày} = 2.769.125 \text{ đồng}$, đối trừ lãi theo mục 15 (từ ngày 09/6/2022 đến ngày 12/6/2022 = 1.108.633 đồng) và lãi theo mục 16 (từ ngày 13/6/2022 đến ngày 17/6/2022 = 2.769.125 đồng) còn thừa 506.067.242 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 494.821.349 đồng ($1.000.888.591 \text{ đồng} - 506.067.242 \text{ đồng}$).

17. Ngày 24/6/2022, chị D trả 5.775.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 18/6/2022 đến ngày 24/6/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn còn lại 494.821.349 đồng: $494.821.349 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 1.916.608 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 3.858.392 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 490.962.957 đồng ($494.821.349 \text{ đồng} - 3.858.392 \text{ đồng}$).

18. Từ ngày 25/6/2022 đến ngày 29/6/2022, lãi tính 05 ngày trên số vốn vay còn lại 490.962.957 đồng: $490.962.957 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 05 \text{ ngày} = 1.358.330 \text{ đồng}$.

19. Ngày 30/6/2022, chị D vay thêm 500.000.000 đồng, vốn vay lúc này là 990.962.957 đồng ($490.962.957 \text{ đồng} + 500.000.000 \text{ đồng}$), ngày 01/7/2022 chị D trả 5.775.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 01/7/2022 là 02 ngày đối với khoản tiền vốn 990.962.957 đồng: $990.962.957 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 02 \text{ ngày} = 1.096.665 \text{ đồng}$. Chị D đã trả 5.775.000 đồng, đối trừ lãi theo mục 18 (từ ngày 25/6/2022 đến ngày 29/6/2022 = 1.358.330 đồng) và lãi theo mục 19 (từ ngày 30/6/2022 đến ngày 01/7/2022 = 1.096.665 đồng), đối trừ còn thừa 3.320.005 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 987.642.952 đồng ($990.962.957 \text{ đồng} - 3.320.005 \text{ đồng}$).

20. Ngày 08/7/2022, chị D trả 16.275.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 02/7/2022 đến ngày 08/7/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn 987.642.952 đồng: $987.642.952 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 3.825.470 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 12.449.530 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại

975.193.422 đồng (987.642.952 đồng – 12.449.530 đồng).

21. Ngày 15/7/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 09/7/2022 đến ngày 15/7/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn 975.193.422 đồng: $975.193.422 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 3.777.249 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 10.747.751 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 964.445.671 đồng (975.193.422 đồng – 10.747.751 đồng).

22. Ngày 22/7/2022, chị D trả 514.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 16/7/2022 đến ngày 22/7/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn 964.445.671 đồng: $964.445.671 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 3.735.619 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 510.789.381 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 453.656.290 đồng (964.445.671 đồng – 510.789.381 đồng).

23. Từ ngày 23/7/2022 đến ngày 26/7/2022, lãi tính 04 ngày trên số vốn vay còn lại 453.656.290 đồng: $453.656.290 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 1.004.092 \text{ đồng}$.

24. Ngày 27/7/2022, chị D vay thêm 500.000.000 đồng, vốn vay lúc này là 953.656.290 đồng (453.656.290 đồng + 500.000.000 đồng), ngày 29/7/2022 chị D trả 9.525.000 đồng, lãi tính từ ngày 27/7/2022 đến ngày 29/7/2022 là 03 ngày: $953.656.290 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ ngày} = 1.583.069 \text{ đồng}$. Chị D đã trả 9.525.000 đồng, đối trừ lãi theo mục 23 (từ ngày 23/7/2022 đến ngày 26/7/2022 = 1.004.092 đồng) và lãi từ ngày 27/7/2022 đến ngày 29/7/2022 = 1.583.069 đồng, đối trừ còn thừa 7.941.931 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 945.714.359 đồng (953.656.290 đồng – 7.941.931 đồng).

25. Ngày 05/8/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 30/7/2022 đến ngày 05/8/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn 945.714.359 đồng: $945.714.359 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 3.663.066 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 10.861.934 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 934.852.425 đồng (945.714.359 đồng – 10.861.934 đồng).

26. Ngày 11/8/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 06/8/2022 đến ngày 11/8/2022 là 06 ngày đối với khoản tiền vốn 934.852.425 đồng: $934.852.425 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ ngày} = 3.103.710 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 11.421.290 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 923.431.135 đồng (934.852.425 đồng – 11.421.290 đồng).

27. Ngày 26/8/2022, chị D trả 29.050.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 12/8/2022 đến ngày 26/8/2022 là 15 ngày đối với khoản tiền vốn 923.431.135 đồng: $923.431.135 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 15 \text{ ngày} = 7.664.478 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 21.385.522 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 902.045.613 đồng (923.431.135 đồng – 21.385.522 đồng).

28. Ngày 05/9/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 27/8/2022 đến ngày 05/9/2022 là 10 ngày đối với khoản tiền vốn 902.045.613 đồng: $902.045.613 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ ngày} = 4.991.319 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 9.521.000 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 897.054.294 đồng ($902.045.613 \text{ đồng} - 4.991.319 \text{ đồng}$).

29. Ngày 09/9/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 06/9/2022 đến ngày 09/9/2022 là 04 ngày đối với khoản tiền vốn 897.054.294 đồng: $897.054.294 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 1.985.480 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 12.539.520 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 884.514.774 đồng ($897.054.294 \text{ đồng} - 12.539.520 \text{ đồng}$).

30. Ngày 16/9/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 10/9/2022 đến ngày 16/9/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn 884.514.774 đồng: $884.514.774 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 3.426.020 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 11.098.980 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 873.415.794 đồng ($884.514.774 \text{ đồng} - 11.098.980 \text{ đồng}$).

31. Ngày 24/9/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 17/9/2022 đến ngày 24/9/2022 là 08 ngày đối với khoản tiền vốn 873.415.794 đồng: $873.415.794 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 08 \text{ ngày} = 3.866.320 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 10.658.680 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 862.757.114 đồng ($873.415.794 \text{ đồng} - 10.658.680 \text{ đồng}$).

32. Từ ngày 25/9/2022 đến ngày 27/9/2022, lãi tính 03 ngày trên số vốn vay 862.757.114 đồng: $862.757.114 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 05 \text{ ngày} = 1.432.176 \text{ đồng}$.

33. Ngày 28/9/2022, chị D vay thêm 20.000.000 đồng, vốn vay lúc này là 882.757.114 đồng ($862.757.114 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng}$), ngày 30/9/2022 chị D trả 34.525.000 đồng, lãi tính từ ngày 28/9/2022 đến ngày 30/9/2022 là 03 ngày: $882.757.114 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ ngày} = 1.465.376 \text{ đồng}$, đối trừ lãi theo mục 32 (từ ngày 25/9/2022 đến ngày 27/9/2022 = 1.432.176 đồng) và lãi từ ngày 28/9/2022 đến ngày 30/9/2022 = 1.465.376 đồng, đối trừ còn thừa 31.627.448 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 851.129.666 đồng ($882.757.114 \text{ đồng} - 31.627.448 \text{ đồng}$).

34. Ngày 07/10/2022, chị D trả 14.525.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày 07/10/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn 851.129.666 đồng: $851.129.666 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 3.296.708 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 11.228.292 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 839.901.374 đồng ($851.129.666 \text{ đồng} - 11.228.292 \text{ đồng}$).

35. Từ ngày 08/10/2022 đến ngày 13/10/2022, lãi tính 06 ngày trên số vốn vay còn lại 839.901.374 đồng: $839.901.374 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ ngày} =$

2.788.472 đồng.

36. Ngày 14/10/2022, chị D vay thêm 20.000.000 đồng, vốn vay lúc này là 859.901.374 đồng (839.901.374 đồng + 20.000.000 đồng), đến ngày 17/10/2022 chị D trả 20.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 14/10/2022 đến ngày 17/10/2022 là 04 ngày: $859.901.374 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 1.903.248 \text{ đồng}$, đối trừ lãi theo mục 35 (từ ngày 08/10/2022 đến ngày 13/10/2022 = 2.788.472 đồng) và lãi từ ngày 14/10/2022 đến ngày 17/10/2022 = 1.903.248 đồng, còn thừa 15.308.280 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 844.593.094 đồng (859.901.374 đồng – 15.308.280 đồng).

37. Ngày 24/10/2022, chị D trả 10.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 18/10/2022 đến ngày 24/10/2022 là 07 ngày đối với khoản tiền vốn 844.593.094 đồng: $844.593.094 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ ngày} = 3.271.390 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 6.728.610 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 837.864.484 đồng (844.593.094 đồng – 6.728.610 đồng).

38. Ngày 28/10/2022, chị D trả 10.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 25/10/2022 đến ngày 28/10/2022 là 04 ngày đối với khoản tiền vốn 837.864.484 đồng: $837.864.484 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 1.854.473 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 8.145.527 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 829.718.957 đồng (837.864.484 đồng – 8.145.527 đồng).

39. Ngày 12/11/2022, chị D trả 6.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 29/10/2022 đến ngày 12/11/2022 là 15 ngày đối với khoản tiền vốn 829.718.957 đồng: $829.718.957 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 15 \text{ ngày} = 6.886.667 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 886.667 đồng.

40. Ngày 23/11/2022, chị D trả 7.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 13/11/2022 đến ngày 23/11/2022 là 11 ngày đối với khoản tiền vốn 829.718.957 đồng: $829.718.957 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ ngày} = 5.050.222 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 1.949.778 đồng, tiếp tục trừ khoản lãi tại mục 39 là 886.667 đồng, còn thừa 1.063.111 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 828.655.846 đồng (829.718.957 đồng – 1.063.111 đồng).

41. Ngày 04/12/2022, chị D trả 8.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 24/11/2022 đến ngày 04/12/2022 là 11 ngày đối với khoản tiền vốn 828.655.846 đồng: $828.655.846 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ ngày} = 5.043.751 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 2.956.249 đồng được trừ vào vốn vay. Như vậy, vốn vay còn lại 825.699.597 đồng (828.655.846 đồng – 2.956.249 đồng).

42. Ngày 21/01/2023, chị D trả 5.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 05/12/2022 đến ngày 21/01/2023 là 01 tháng 17 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} =$

21.473.693 đồng, đối trừ lãi còn thiếu 16.473.693 đồng.

43. Ngày 25/8/2023, chị D trả 10.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 22/01/2023 đến ngày 25/8/2023 là 07 tháng 04 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 97.773.841 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 87.773.841 đồng.

Tổng lãi thiếu mục 42 và 43 là 104.247.534 đồng.

44. Ngày 31/8/2023, chị D trả 4.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 26/8/2023 đến ngày 31/8/2023 là 06 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ ngày} = 2.741.322 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 1.258.678 đồng, tiếp tục trừ vào phần tổng lãi thiếu tại mục 42 và 43, phần lãi còn thiếu là 102.988.856 đồng (104.247.534 đồng - 1.258.678 đồng).

45. Ngày 09/9/2023, chị D trả 5.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 01/9/2023 đến ngày 09/9/2023 là 09 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 09 \text{ ngày} = 4.111.983 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 888.017 đồng, tiếp tục trừ vào phần lãi tại mục 44, phần lãi còn thiếu là 102.100.839 đồng (102.988.856 đồng - 888.017 đồng).

46. Ngày 02/10/2023, chị D trả 2.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 10/9/2023 đến ngày 02/10/2023 là 23 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 23 \text{ ngày} = 10.508.403 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 8.508.403 đồng.

47. Ngày 15/10/2023, chị D trả 1.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 03/10/2023 đến ngày 15/10/2023 là 13 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 13 \text{ ngày} = 5.939.532 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 4.939.532 đồng.

48. Ngày 21/10/2023, chị D trả 2.500.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 16/10/2023 đến ngày 21/10/2023 là 06 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ ngày} = 2.741.322 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 241.322 đồng.

Tổng các phần lãi tại mục 45, 46, 47 và 48 là 115.790.096 đồng.

49. Ngày 27/10/2023, chị D trả 3.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 22/10/2023 đến ngày 27/10/2023 là 06 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ ngày} = 2.741.322 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 258.678 đồng, tiếp tục trừ vào phần lãi tại mục 48, phần lãi còn thiếu là 115.531.418 đồng (115.790.096 đồng - 258.678 đồng).

50. Ngày 31/10/2023, chị D trả 3.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 28/10/2023 đến ngày 31/10/2023 là 04 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597

đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 1.827.548 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thừa 1.172.452 đồng, tiếp tục trừ vào phần lãi tại mục 49, phần lãi còn thiếu là 114.358.966 đồng ($115.531.966 \text{ đồng} - 1.172.452 \text{ đồng}$).

51. Ngày 11/11/2023, chị D trả 2.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 01/11/2023 đến ngày 11/11/2023 là 11 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ ngày} = 5.025.758 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 3.025.758 đồng.

52. Ngày 21/11/2023, chị D trả 1.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 12/11/2023 đến ngày 21/11/2023 là 10 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ ngày} = 4.568.871 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 3.568.871 đồng.

53. Ngày 26/11/2023, chị D trả 1.600.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 22/11/2023 đến ngày 26/11/2023 là 05 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 05 \text{ ngày} = 2.284.435 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 684.435 đồng.

54. Ngày 01/3/2024, chị D trả 3.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 27/11/2023 đến ngày 01/3/2024 là 03 tháng 04 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 42.947.387 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 39.947.387 đồng.

Tổng lãi mục 50, 51, 52, 53 và 54 là 161.585.417 đồng

55. Ngày 15/5/2024, chị D trả 10.000.000 đồng, thời hạn lãi tính từ ngày 02/3/2024 đến ngày 15/5/2024 là 02 tháng 14 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 33.809.645 \text{ đồng}$, đối trừ lãi còn thiếu 23.809.645 đồng.

56. Ngày 16/5/2024 đến nay 29/5/2025 chị D không thanh toán thêm khoản nào và thời hạn lãi tính từ ngày 16/5/2024 đến ngày 29/5/2024 là 12 tháng 14 ngày đối với khoản tiền vốn 825.699.597 đồng: $825.699.597 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 170.875.779 \text{ đồng}$.

Như vậy, khoản lãi chị D còn phải thanh toán cho chị N là: 161.585.417 đồng (tổng lãi mục 50, 51, 52, 53 và 54) + 23.809.645 đồng (lãi mục 55) + 170.875.779 đồng (lãi mục 56) = 356.270.841 đồng.

Tổng vốn và lãi đến ngày 29/5/2025 là: 825.699.597 đồng (vốn) + 356.270.841 đồng (lãi) = 1.181.970.000 đồng (tính tròn).

[3] Đối với yêu cầu của chị D đưa ông T, bà L tham gia tố tụng để buộc ông T, bà L có nghĩa vụ liên đới cùng với chị D trả nợ cho chị N: Qua xem xét chứng cứ có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đều thể hiện

các khoản tiền chị N cho vay chị D là người trực tiếp nhận thông qua hình thức chuyển khoản và tại thời điểm giao dịch chuyển tiền không có thể hiện bất cứ vấn đề gì liên quan đến ông T và bà L, chị N xác định không có việc thỏa thuận giữa chị N và chị D cùng với ông T, bà L đối với khoản vốn vay chị D đã nhận của chị N. Mặt khác, tại phiên tòa chị D cũng không có chứng cứ gì mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo nên yêu cầu kháng cáo của chị D không được chấp nhận.

Về phần tiền chị D cho rằng có đưa cho ông Trần Minh T và bà Nguyễn Châu L vay thì chị D với ông T và bà L tự thương lượng, thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì chị D có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của chị D được chấp nhận một phần, nên chị D không phải chịu án phí, được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Kim D.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 195/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau).

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Bích N đối với chị Nguyễn Kim D.

Buộc chị Nguyễn Kim D trả cho chị Đoàn Bích N số tiền 1.181.970.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu chị D chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Nguyễn Kim D phải chịu số tiền 47.459.000 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng), chị D chưa nộp.

Chị Đoàn Bích N không phải chịu án phí; ngày 04/11/2024 chị Đoàn Bích N nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 25.509.000 đồng theo biên lai thu tiền số

0005834 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau); chị N được nhận lại.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Kim D không phải chịu; ngày 17/6/2025 chị Nguyễn Kim D đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005765 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau); chị D được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- TAND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tiêu Hồng Phụng

